

Name:

Class: S2...

Tel: 034 200 9294



Grammar:

Reading & Writing:

Mini Test:

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày..../....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày..../....

GLOBAL ENGLISH 2

Unit 2: Good neighbours - Grammar 2 & Movers Reading

A. Grammar:

❖ Present simple (Negative & Yes/No Question + Short answer - Verbs)

(Thì hiện tại đơn – câu phủ định & câu hỏi yes / no + đáp án ngắn – động từ thường)

Thì hiện tại đơn diễn tả **hành động xảy ra ở hiện tại**. Thì hiện tại đơn được dùng khi muốn diễn tả **hành động mang tính chất lặp đi lặp lại** như thói quen hoặc 1 sự thật hiển nhiên.

| Dạng | Công thức | Ví dụ |
|---|---|---|
| Affirmative (Khẳng định) | S + V (s/es) | She plays soccer every day. |
| Negative (Phủ định) | S + do / does + not + V-inf | She does not play soccer every day. |
| Yes / No Question (Nghi vấn) | Do / Does + S + V-inf? | Does she play soccer every day? |
| Short answer (Câu trả lời ngắn) | - Yes, S + do / does - No, S + do / does + not | - Yes, she does. - No, she does not. |

*Note: do not = don't ; does not = doesn't

❖ Từ vựng mở rộng

| No. | Words | Meaning | No. | Words | Meaning |
|-----|----------------------|-----------|-----|--------------------|----------|
| 1 | kitten (n) | mèo con | 5 | toy (n) | đồ chơi |
| 2 | funny (a) | buồn cười | 6 | blanket (n) | cái chăn |
| 3 | laugh (v) | cười | 7 | puppy (n) | chó con |
| 4 | favourite (a) | yêu thích | 8 | young (a) | trẻ, nhỏ |

n = noun: danh từ

v = verb: động từ

a = adj: tính từ

B. Homework.

I. Underline the correct answer. (Con hãy gạch chân đáp án đúng.)

0. **Do / Does** she like apples?

1. They **don't / doesn't** play soccer on Fridays.

2. **Do / Does** you go to school every day?

3. He **don't / doesn't** eat vegetables.
4. We **have / has** homework today.
5. **Do / Does** your brother play video games? - Yes, he **do / does**.

II. Fill “do / does / don't / doesn't” in the blank. (Con hãy điền “do / does / don't / doesn't” vào chỗ trống.)

0. **Do** you like ice cream?
1. She _____ play the piano every day.
2. Children _____ go to school on Sundays.
3. _____ he have a pet dog?
4. My brother _____ watch TV in the morning.
5. We _____ eat breakfast at 7 a.m.

III. Circle the correct answer. (Con hãy khoanh tròn đáp án đúng.)

0. She _____ (not / play) soccer on Sundays.

| | | |
|-------------------------|-----------------------|--------------------------|
| A. does not play | B. do not play | C. does not plays |
|-------------------------|-----------------------|--------------------------|
1. They _____ (not / eat) vegetables.

| | | |
|------------------------|----------------------|-----------------------|
| A. does not eat | B. do not eat | C. do not eats |
|------------------------|----------------------|-----------------------|
2. He _____ (go) to school on Saturdays.

| | | |
|---------------------|--------------|----------------|
| A. do not go | B. go | C. goes |
|---------------------|--------------|----------------|
3. _____ (she / like) apples?

| | | |
|--------------------------|-----------------------|-------------------------|
| A. Does she likes | B. Do she like | C. Does she like |
|--------------------------|-----------------------|-------------------------|
4. Does she go to bed early?

| | | |
|--------------------------|------------------------|---------------------------|
| A. Yes, she does. | B. Yes, she do. | C. Yes, she don't. |
|--------------------------|------------------------|---------------------------|
5. _____ (he / watch) TV in the evening?

| | | |
|-----------------------|-------------------------|----------------------|
| A. Do he watch | B. Does he watch | C. he watches |
|-----------------------|-------------------------|----------------------|

IV. Read and tick the correct answer. (Con hãy đọc và đánh dấu ✓ vào câu đúng.)

| | |
|-----------------------------|---|
| 0. I go to school. | ✓ |
| 1. She do likes bananas. | |
| 2. You eat a cake. | |
| 3. Does he listen to music? | |
| 4. I don't like yellow. | |
| 5. He don't play games. | |

Part 2

– 6 questions –

Read the text and choose the best answer.



Fred and Vicky are talking about their pets.

Example

Fred: Our new kitten is so funny!

Vicky:

- A Do they laugh?
- B Is it?
- C Are those new?

Questions

1 **Vicky:** Why is your kitten funny?

Fred:

- A You all smiled.
- B It loves hiding.
- C I can't tell them.

2 **Vicky:** Does your kitten like playing games?

Fred:

- A Yes, that's right.
- B No, I can't today.
- C OK, let's do that.

3 **Vicky:** What's your kitten's favourite toy?

Fred:

- A By that red blanket.
- B It's another one.
- C A big, round ball.

4 **Fred:** How old is your puppy now, Vicky?

Vicky:

- A It's the biggest one.
- B Twelve weeks.
- C It's great, thanks.

5 **Fred:** Does your puppy sleep outside?

Vicky:

- A Yes, we can do that.
- B Its bed is very small.
- C No, it's too young.

6 **Fred:** I'd like to have another pet.

Vicky:

- A Me too!
- B How often?
- C Well done!